

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm kim tiêm, kim chọc dò, kim luân, bộ gây tê ngoài màng cứng, ống đặt nội khí quản của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024-2025 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 18 tháng 9 năm 2024 đến trước 17h ngày 29 tháng 9 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kim cánh bướm các số	Đầu kim 3 mặt vát được tráng 1 lớp silicon, làm bằng thép hợp kim Crom-Nikel hoặc tương đương. Có đầu khóa Luer. Dây nối 30cm, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn hoặc tương đương. Kích cỡ 23G: Chiều dài kim 20 mm, đường kính kim 0.65 mm, tốc độ dòng chảy 11 ml/ phút. Kích cỡ 25G: Chiều dài kim 15 mm, đường kính kim 0.5 mm, tốc độ dòng chảy 4 ml/ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.	Cái	15.000
2	Kim cánh bướm các số	Kim cắt vát, thành mỏng, phủ silicon, Ống dây nối 30cm nhựa y tế, được tiệt trùng	Cái	10.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	loại 2	bằng khí EO hoặc tương đương. Kích thước: 23G 0,6 x19 mm, 25G 0,5 x19 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.		
3	Kim lấy thuốc các số	Kim cấu tạo thép không gỉ sáng bóng. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. Kim các cỡ. Đầu kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.	Cái	250.000
4	Kim chọc dò tủy sống các số	Đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Các cỡ G18, G20, G22, G25, G27. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.	Cái	5.500
5	Kim chọc dò tủy sống cỡ 14G	Kim chọc dò tủy sống. Kim sắc, cắt vát 2 đầu, catheter chất liệu ETFE trong suốt, nhìn được dòng máu trong lòng kim; chiều dài catheter ≥ 51 mm; kích thước trong $\leq 1,73$ mm; kích thước ngoài 2,17 mm ($\pm 5\%$); tốc độ dòng chảy 305 ml/ phút ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.	Cái	50
6	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Kim G18, dài 80 mm, bơm tiêm giảm kháng lực, catheter G20 dài 1.000 mm, bơm và kim tiêm, lọc, miếng dán lọc, đầu kết nối. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	7.000
7	Bộ gây tê ngoài màng cứng và tủy sống phối hợp	Kim đầu cong G18 dài 3 1/4", kim gây tê tủy sống G27. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh chắc chắn, dễ cầm ngay cả khi đeo găng ướt. Nguyên liệu catheter bằng polyamid hoặc tương đương không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm. Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vụn quá mức gây tắc catheter. Có syringe giảm kháng lực (Loss of Resistance) giúp xác định khoang màng cứng dễ dàng và chính xác. Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	1.000
8	Ống đặt nội khí quản có bóng và không bóng các số	Ống nội khí quản có bóng/không bóng. Chất liệu ống PVC hoặc tương đương. Đầu cong với mắt Murphy đảm bảo thông khí. Đường cân quang chạy dọc thân ống giúp định vị vị trí đặt ống một cách chính xác và an toàn. Vạch đánh dấu độ sâu dọc theo thân ống và đầu nối tiêu chuẩn 15mm được gắn sẵn. Có bóng. Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn. Độ dày bóng 0.051mm, Đường kính bóng 31.5mm. Dung tích bóng 0.225ml/cm H2O. Thể tích bóng 21.4ml. Áp lực bóng 19.4cm H2O. Các ống: 3.0mm(đường kính ngoài 4.2mm, đường kính bóng 8mm, chiều dài 160mm); 4.0mm (đường kính ngoài 5.5mm, đường kính bóng 11mm, chiều dài 200mm); 5.0mm(đường kính ngoài 6.8mm, đường kính bóng 16 mm, chiều dài 240mm); 5.5mm(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 17 mm, chiều dài 270mm), 6.0mm(đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 280mm); 6,5mm(đường kính ngoài 8.8mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 290mm), 7.0mm(đường kính ngoài 9.6mm, đường kính bóng 25 mm, chiều dài 310mm), 7.5mm(đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 25mm, chiều dài 320mm), 8.0mm(đường kính ngoài 10.9mm, đường kính bóng 27 mm, chiều dài 320mm). Không bóng: Thông số các cỡ ống: 2.5(đường kính ngoài 3.6mm, chiều dài 130mm); 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, chiều dài 160mm); 3.5(đường kính ngoài 4.9mm, chiều dài 180mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm chiều dài 200mm); 4.5(đường kính ngoài 6.2mm, chiều dài 220mm) 5.0 (đường kính ngoài 6.8mm, chiều dài 240mm); 5.5 (đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 270mm), 6.0 (đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 280mm); 6.5 (đường kính ngoài 8.8mm, chiều dài 290mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.	Cái	5.000
9	Ống đặt nội khí quản có bóng và không bóng các số loại 2	Ống nội khí quản có bóng/không bóng. Chất liệu ống PVC hoặc tương đương, không độc, trong suốt, mềm mại và trơn, dễ uốn cong. Thiết kế trong suốt, có thể tháo rời để làm sạch, tránh tắc đờm, các số. Có bóng: Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ tạo ra độ kín của màng nội khí quản tốt. Có sẵn mắt giấu khâu, chỉ đóng gói trong túi phồng rộp riêng. Đã tiệt trùng. Đường cân quang chạy dọc thân tới mũi xa. Mắt tròn mềm và ít xâm lấn hơn. Kích thước in ống rõ ràng. Đầu ống và các mắt tròn lánh dễ luồn. Cung cấp đường đục vô tuyến. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng nhận CE.	Cái	3.000

NH
 VIỆN
 N - NH
 TỈNH
 NG NINH

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Nt; SYTON (đăng tải)
- Lưu: VT,TCU.



Bùi Minh Cường



**PHỤ LỤC
BÁO GIÁ**



Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VAT) (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền(11) (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Thiết bị A													
2	Thiết bị B													
3														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))